

THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá Lấy mẫu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...).

Kính gửi: Quý đơn vị

Thực hiện Kế hoạch số 1883/KH-SATTP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Sở An toàn thực phẩm về việc lấy mẫu sản phẩm thực phẩm kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026. Trong đó, tại Chuyên đề: Lấy mẫu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...).

Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị các đơn vị kiểm nghiệm có năng lực, kinh nghiệm báo giá kiểm nghiệm với nội dung như sau:

1. Yêu cầu

- Báo giá (đã bao gồm VAT) theo đơn giá phân tích kiểm nghiệm theo Phụ lục đính kèm.

- Cung cấp đầy đủ bản sao Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực đối với các chỉ tiêu báo giá.

2. Thời hạn hiệu lực của báo giá: 60 ngày

3. Địa điểm và thời điểm tiếp nhận báo giá:

a) Địa điểm nhận báo giá:

Tại: Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.35357415.

Hoặc gửi qua địa chỉ Email: sattp@tphcm.gov.vn.

Thông tin liên hệ: Bà Nguyễn Huỳnh Thiên Phúc – Phó Chánh Văn phòng
Sở - Số điện thoại: 0904433492.

b) Thời điểm nhận báo giá: Đến hết ngày **04 tháng 8 năm 2026**.^{ng}

Nơi nhận:

- Như trên; Ban GD Sở ATTP;
- Phòng QLTC&KN (để gửi Email đến các đơn vị kiểm nghiệm);
- Trang muasamcong.gov.vn;
- Trang thông tin điện tử của Sở ATTP;
- Lưu: VT.VP(NTT).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Minh Hải

Phụ lục
Yêu cầu báo giá phân tích kiểm nghiệm
(Đính kèm Thông báo số 4284/TB-SATTP ngày 29 tháng 7 năm 2026
của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh)

Lấy mẫu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...).

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tôm				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/Ciprofloxacin	90	Mẫu		
	Chloramphenicol	90	Mẫu		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/Enrofloxacin	90	Mẫu		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/Green Malachite (Xanh Malachite)	90	Mẫu		
2	Cá kèo				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/Ciprofloxacin	90	Mẫu		
	Chloramphenicol	90	Mẫu		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/Enrofloxacin	90	Mẫu		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/Green Malachite (Xanh Malachite)	90	Mẫu		
3	Cá lóc				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/Ciprofloxacin	90	Mẫu		
	Chloramphenicol	90	Mẫu		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/Enrofloxacin	90	Mẫu		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/Green Malachite (Xanh Malachite)	90	Mẫu		
4	Cá trê				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/Ciprofloxacin	90	Mẫu		
	Chloramphenicol	90	Mẫu		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/Enrofloxacin	90	Mẫu		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/Green Malachite (Xanh Malachite)	90	Mẫu		
5	Cá rô				

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/Ciprofloxacin	90	Mẫu		
	Chloramphenicol	90	Mẫu		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/Enrofloxacin	90	Mẫu		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/Green Malachite (Xanh Malachite)	90	Mẫu		
6	Cá diêu hồng				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/Ciprofloxacin	90	Mẫu		
	Chloramphenicol	90	Mẫu		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/Enrofloxacin	90	Mẫu		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/Green Malachite (Xanh Malachite)	90	Mẫu		
7	Cá ba sa				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/Ciprofloxacin	90	Mẫu		
	Chloramphenicol	90	Mẫu		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/Enrofloxacin	90	Mẫu		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/Green Malachite (Xanh Malachite)	90	Mẫu		
8	Ếch				
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/Green Malachite (Xanh Malachite)	90	Mẫu		
9	Cá tra				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/Ciprofloxacin	90	Mẫu		
	Chloramphenicol	90	Mẫu		
	Enrofloxacin	90	Mẫu		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)	90	Mẫu		
10	Lươn				
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/Enrofloxacin	90	Mẫu		
11	Cá bạc má				
	Cadmi/Cadimi (Cd)	90	Mẫu		
	Thủy ngân (Hg)	90	Mẫu		

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
12	Cá nục				
	Cadmi/Cadimi (Cd)	90	Mẫu		
	Thủy ngân (Hg)	90	Mẫu		
13	Cá ngừ				
	Cadmi/Cadimi (Cd)	90	Mẫu		
	Thủy ngân (Hg)	90	Mẫu		

Ng